

TÁC ĐỘNG CỦA RỦI RO ĐỊA CHÍNH TRỊ ĐẾN SỰ ỔN ĐỊNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

PGS.TS. Nhữ Trọng Bách*

Nghiên cứu này nhằm đánh giá tác động của rủi ro địa chính trị (GPR) đến sự ổn định (STABILITY) của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng hồi quy dữ liệu bảng từ dữ liệu được thu thập từ năm 2009 đến năm 2024, kết quả cho thấy mối quan hệ ngược chiều và có ý nghĩa thống kê giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định của các ngân hàng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy quy mô ngân hàng, biên lãi ròng, tỷ lệ tiền gửi và tỷ lệ tiền gửi có tác động tích cực đến sự ổn định của các ngân hàng. Trong khi đó, tỷ lệ nợ xấu, tăng trưởng kinh tế quá nóng và lạm phát có ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định ngành ngân hàng. Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các ngân hàng tăng cường khả năng ứng phó với những bất ổn từ môi trường kinh tế - chính trị quốc tế.

• Từ khóa: rủi ro địa chính trị, sự ổn định, ngành ngân hàng.

This study aims to assess the impact of geopolitical risk (GPR) on commercial banks' stability (STABILITY) in Vietnam. The study uses panel data regression from data collected from 2009 to 2024; the results show a negative and statistically significant relationship between geopolitical risk and the stability of banks. The research results also show that bank size, net interest margin, deposit ratio, and deposit ratio positively impact the stability of banks. Meanwhile, the bad debt ratio, overheating economic growth, and inflation negatively impact the banking sector's stability. From the above research results, the author has proposed several solutions to help banks enhance their ability to respond to international economic and political instabilities.

• Key words: geopolitical risk, stability, banking industry.

JEL codes: G10, G31, G32

Ngày gửi bài: 04/3/2025

Ngày gửi phản biện: 10/3/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 28/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 20/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i291.12>

1. Đặt vấn đề

Trong vòng hơn một thập kỷ qua, đã có rất nhiều sự kiện địa chính trị đầy phức tạp diễn ra trên toàn cầu như: căng thẳng giữa Ấn Độ và Trung Quốc, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, chiến tranh Nga-Ukraine, xung đột Israel-Iran, v.v. Rủi ro địa chính trị có ảnh hưởng lớn đến toàn bộ nền kinh tế, đặc biệt là ngành ngân hàng. Khi các căng thẳng chính trị leo thang, sự bất ổn và không chắc chắn sẽ làm giảm niềm tin của nhà đầu tư và doanh nghiệp, dẫn đến việc thoái

vốn khỏi các tài sản rủi ro và trú ẩn tại các tài sản an toàn. Điều này làm gia tăng sự biến động của các thị trường tài chính, gây khó khăn cho các ngân hàng trong việc duy trì sự ổn định và xử lý các khoản vay, khoản cấp tín dụng. Ngoài ra, các biện pháp trừng phạt kinh tế và hàng rào thuế quan giữa các quốc gia có thể làm tăng chi phí giao dịch và chuyển tiền quốc tế, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của các ngân hàng. Các cuộc xung đột hoặc suy thoái kinh tế do biến động chính trị cũng làm tồi tệ hơn tình trạng nợ xấu, khiến ngân hàng gặp khó khăn trong việc thu hồi nợ và hạn chế khả năng cấp tín dụng. Cuối cùng, các thay đổi trong quy định pháp lý và chính sách tài chính quốc tế có thể tạo ra thêm rào cản cho hoạt động của ngành ngân hàng. Tất cả những yếu tố này kết hợp lại làm gia tăng rủi ro và tác động tiêu cực đến sự ổn định của các ngân hàng trong môi trường địa chính trị có nhiều bất ổn.

Từ những phân tích trên, nghiên cứu này được tiến hành nhằm kiểm định tác động của rủi ro địa chính trị đến sự ổn định trong ngành ngân hàng tại Việt Nam, giúp các ngân hàng tăng cường khả năng ứng phó với những bất ổn từ môi trường kinh tế - chính trị quốc tế. Hơn nữa, nghiên cứu kỳ vọng cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho các nhà hoạch định chính sách xây dựng các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của rủi ro địa chính trị gây ra trong bối cảnh kinh tế Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về tác động của rủi ro địa chính trị đến hoạt động của các ngân hàng thương mại.

Với mẫu nghiên cứu gồm gần 37.000 doanh nghiệp đến từ 42 quốc gia, Roy và cộng sự (2024) chỉ ra rằng các công ty chịu rủi ro địa chính trị sẽ phải đối mặt với rủi ro phá sản gia tăng, và rủi ro địa chính trị có thể

* Học viện Chính sách và Phát triển - Bộ Tài chính; email: trongbachhytc@gmail.com

ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của tín dụng ngân hàng thông qua một số kênh, bao gồm các mối đe dọa chiến tranh, các cuộc tấn công khủng bố, căng thẳng quân sự và xung đột. Những sự kiện này làm gia tăng sự bất ổn, dẫn đến giảm hoạt động tín dụng và gia tăng nợ xấu. Theo kết quả nghiên cứu của Nadia và cộng sự (2024), rủi ro địa chính trị làm giảm đáng kể sự tăng trưởng tín dụng ngân hàng tại Indonexia, do rủi ro địa chính trị tạo ra môi trường khó lường, khiến các ngân hàng phải áp dụng chính sách cho vay chặt chẽ hơn để bảo vệ trước nguy cơ bất ổn tài chính.

Tại nhóm các quốc gia BRICS, Olalere và Mukuddem-Petersen (2023) chỉ ra rằng, rủi ro địa chính trị gia tăng tác động tiêu cực đến sự ổn định của ngân hàng tại các nước BRICS. Đồng thời, sự tương tác giữa sự bất ổn về chính sách kinh tế và rủi ro địa chính trị làm trầm trọng thêm tác động này, làm nổi bật tầm quan trọng của can thiệp chính sách để tăng cường sự ổn định của ngân hàng.

Hơn nữa, rủi ro địa chính trị có ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận và hoạt động của ngân hàng. Adel (2023) cho thấy rủi ro địa chính trị làm giảm lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của ngân hàng tại 13 thị trường mới nổi, đặc biệt tại các quốc gia Trung Đông. Khi rủi ro địa chính trị tăng cao trong khu vực, các ngân hàng tăng lãi suất để bù đắp rủi ro nợ xấu nhưng điều này làm giảm khả năng cạnh tranh. Các quy định khắt khe buộc ngân hàng giữ vốn an toàn cao hơn, hạn chế nguồn vốn cho vay và đầu tư. Ngoài ra, chi phí hoạt động tăng do phải thích nghi với môi trường biến động. Ở khu vực Trung Đông, Adel và Naili (2024) cho rằng các ngân hàng thương mại thể hiện mức độ nhạy cảm cao với các rủi ro địa chính trị, trong đó việc thích ứng chủ động có thể nâng cao hiệu suất. Andriani và cộng sự (2024) chỉ ra rằng rủi ro địa chính trị tác động tiêu cực đến hiệu suất ngân hàng, vì các ngân hàng phải đối mặt với rủi ro tín dụng và tài chính gia tăng, có thể cản trở hiệu quả hoạt động của họ.

Tác động tiêu cực của rủi ro địa chính trị đến hoạt động của các ngân hàng thương mại có sự khác nhau giữa các quốc gia. Kết quả nghiên cứu của Bashir và cộng sự (2023) cho thấy rủi ro chính trị có ảnh hưởng khác nhau đến mức độ ổn định của các ngân hàng truyền thống và ngân hàng Hồi giáo ở Trung Đông, trong đó rủi ro chính trị có ảnh hưởng ít nghiêm trọng hơn đến mức độ rủi ro của các ngân hàng Hồi giáo so với các ngân hàng truyền thống. Banna và cộng sự (2023) cho thấy rằng ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đến rủi ro phá sản ngân hàng là không đồng nhất giữa các quốc gia. Tại các nước phát triển với hệ thống pháp lý ổn định và chính sách tiền tệ linh hoạt, tác động tiêu cực của rủi ro địa chính trị thấp hơn. Trái lại, tại các thị trường mới nổi, nơi dòng vốn dễ bị rút ra và niềm tin thị trường còn yếu, rủi ro địa chính trị có thể làm tăng mạnh rủi ro thanh khoản và tín dụng đối với ngân hàng.

Tại Việt Nam, đã có một số nghiên cứu về tác động của rủi ro địa chính trị. Trần Phương Thảo và Lê Anh Tuấn (2021) đã xem xét ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đến nguy cơ mất khả năng thanh toán của các doanh nghiệp ở bốn quốc gia thuộc khu vực ASEAN. Kết quả cho thấy, các sự kiện địa chính trị như tấn công khủng bố và đe dọa chiến tranh có thể gây gián đoạn chuỗi cung ứng, tăng chi phí sản xuất và giảm lợi nhuận, dẫn đến nguy cơ mất khả năng thanh toán cao hơn. Với mẫu dữ liệu gồm 431 ngân hàng thương mại tại Mỹ, Nguyễn Thành Công & Ngô Hồng Hạnh (2023) đưa ra kết luận rủi ro địa chính trị làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp do tăng chi phí hoạt động (chi phí nhập khẩu, vận tải và bảo hiểm rủi ro) và suy giảm doanh thu (giảm nhu cầu tiêu dùng, hạn chế xuất khẩu). Ngoài ra, hạn chế dòng vốn đầu tư và bất ổn kinh doanh cũng khiến doanh nghiệp khó mở rộng và tăng trưởng. Từ đó, rủi ro chính trị làm tăng rủi ro phá sản ngân hàng thương mại thông qua việc làm giảm lợi nhuận và làm tăng biến động lợi nhuận của ngân hàng.

Qua tổng hợp và phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả nhận thấy khoảng trống nghiên cứu về mối quan hệ giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được sử dụng là dữ liệu thứ cấp thu thập từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 35 ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong giai đoạn 2009-2024. Dữ liệu chỉ số Rủi ro địa chính trị (GPR) được thu thập từ trang web của Caldara & Iacoviello¹. Họ đã phân tích tần suất xuất hiện của các từ khóa liên quan đến căng thẳng địa chính trị trong các tờ báo lớn quốc tế và xây dựng danh sách các thuật ngữ liên quan đến xung đột quân sự, khủng bố, đe dọa chiến tranh và các sự kiện địa chính trị quan trọng. Sau đó, Caldara & Iacoviello (2018) đã tính toán tần suất được đề cập của các từ khóa này và chuẩn hóa dữ liệu bằng cách điều chỉnh theo tổng số bài báo được xuất bản trong cùng kỳ. Từ đó, chỉ số GPR được xây dựng nhằm phản ánh mức độ rủi ro địa chính trị theo thời gian và được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu kinh tế để phân tích tác động của rủi ro này đến thị trường tài chính, đầu tư và tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, các biến kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP và lạm phát được thu thập từ cơ sở dữ liệu FiinPro.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Kế thừa từ các nghiên cứu trước, mô hình hồi quy được xây dựng để kiểm tra mối tương quan giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam:

$$TABILITY_{it} = \beta_0 + \beta_1 GPR_{it} + \beta_2 SIZE_{it} + \beta_3 NIM_{it} + \beta_4 Deposit_{it}$$

$$+ \beta_5 Loan_{it} + \beta_6 NPL_{it} + \beta_7 GDP_t + \beta_8 Inflation_t + \mu_{it}$$

Trong đó:

i,t: Ký hiệu tương ứng cho Doanh nghiệp và Thời gian (tính theo Năm)

Biến phụ thuộc: STABILITY là chỉ số ổn định của ngân hàng; được tính bằng công thức:

$$STABILITY_{it} = \frac{ROA_{it} + \frac{Equity_{it}}{Total Assets_{it}}}{\sigma ROA_{it}}$$

Biến độc lập: GPR là chỉ số rủi ro địa chính trị bình quân năm của Việt Nam, được thu thập từ trang web của Caldara & Iacoviello.

Biến kiểm soát: Size là quy mô ngân hàng; đo lường bằng logarit của tổng tài sản của ngân hàng tại ngày 31/12 hàng năm.

NIM là biên lãi ròng; đo lường bằng tỷ lệ giữa thu nhập lãi thuần và tổng tài sản sinh lời, đơn vị là %.

Deposit là tỷ lệ tiền gửi; đo lường bằng tỷ lệ giữa tổng tiền gửi và tổng tài sản, đơn vị là %.

Loan là tỷ lệ dư nợ; đo lường bằng tỷ lệ giữa tổng dư nợ cho vay và tổng tài sản, đơn vị là %.

NPL là tỷ lệ nợ xấu; đo lường bằng tỷ lệ giữa tổng dư nợ xấu (tổng dư nợ nhóm 3,4 và 5) và tổng tài sản, đơn vị là %.

GDP và Inflation đại diện cho tốc độ tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát CPI, đơn vị là %.

Ngoài ra, $\beta_0, \beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5, \beta_6, \beta_7, \beta_8$ là hệ số ước lượng, là nhiều trắng.

Bước đầu trong phân tích bộ dữ liệu bảng, tác giả ước lượng bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất OLS. Tuy nhiên, do mô hình OLS có khuyết tật, tác giả thực hiện thay thế bằng các mô hình khác như mô hình hiệu ứng cố định (Fixed Effects Model - FEM) và mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (Random Effects Model - REM). Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng phân tích hồi quy bình phương nhỏ nhất tổng quát khả thi (FGLS) để khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi và tự tương quan, giúp cải thiện độ chính xác của mô hình ước lượng. Đồng thời, nghiên cứu áp dụng phân tích hồi quy mômen tổng quát hệ thống (GMM) để kiểm tra tính vững mạnh của kết quả và xử lý vấn đề nội sinh trong mô hình.

4. Kết quả nghiên cứu, thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Thống kê mô tả các biến nghiên cứu được thể hiện trong Bảng 1. Dữ liệu cho thấy mức độ ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam có sự chênh lệch rất lớn, với giá trị STABILITY trung bình 36,58 nhưng độ biến động cao, dao động từ 1,22 đến 172,56. Điều này phản ánh rằng trong khi một số ngân hàng có nền tảng tài chính vững chắc, trong khi nhiều ngân hàng khác lại dễ bị tổn thương trước các cú sốc kinh tế và chính trị. Chỉ số rủi ro địa chính trị GPR có giá trị trung bình là 0,075 và tương đối ổn định trong giai đoạn từ

năm 2009 đến năm 2017. Từ năm 2018, chỉ số GPR tăng nhanh và đạt giá trị lớn nhất vào năm 2019, cho thấy tác động kéo dài từ các bất ổn như xung đột Nga - Ukraine, đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát toàn cầu, cuộc chiến thương mại Trung Quốc và Mỹ. Những biến động này cho thấy Việt Nam, dù là nền kinh tế đang phát triển và định hướng hội nhập, cũng chịu ảnh hưởng đáng kể từ làn sóng địa chính trị toàn cầu.

Bảng 1: Thống kê mô tả các biến trong mô hình nghiên cứu

	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
STABILITY	36,58	29,31	1,22	172,56
GPR	0,075	0,038	0,036	0,209
Size	32,51	1,32	28,83	35,55
NIM	0,625	0,348	-0,062	2,186
Deposit	75,81	15,06	53,28	92,76
Loan	70,24	12,17	60,73	86,21
NPL	2,05	1,04	0,55	5,73
GDP	5,53	1,85	2,58	8,02
Inflation	5,02	4,35	0,19	18,13

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Kiểm định đa cộng tuyến (VIF test) được áp dụng để kiểm tra mối tương quan các biến độc lập, tránh hiện tượng sai lệch trong ước lượng hồi quy. Mặc dù một số biến giải thích trong mô hình có giá trị VIF tương đối cao, tuy nhiên phần lớn các biến còn lại đều có giá trị VIF nhỏ hơn 5, điều này cho thấy mức độ đa cộng tuyến giữa các biến độc lập trong mô hình là không quá nghiêm trọng. Đồng thời, kết quả cho thấy mô hình OLS chưa tốt vì có khuyết tật phương sai sai số thay đổi (Prob > F = 0,0000). Và khi thực hiện lựa chọn mô hình giữa FEM và REM thông qua kiểm định Hausman, kết quả cho thấy mô hình FEM tối ưu hơn REM (Prob>chi2 = 0,0000). Tuy nhiên, mô hình FEM vẫn xuất hiện khuyết tật phương sai thay đổi (Prob > F = 0,0021). Do đó, để khắc phục các khuyết tật trên, nghiên cứu thực hiện mô hình cấp cao hơn là FGLS và GMM. Kết quả được trình bày tại Bảng 2:

Bảng 2: Kết quả hồi quy mô hình nghiên cứu

	OLS	FEM	REM	GLS	IV-GMM
constant	0,007*** (3,001)	-0,015*** (2,712)	-0,005 (1,002)	0,007 (1,351)	0,009 (1,437)
GPR	-0,168*** (-6,281)	-0,428*** (-9,082)	-0,356*** (-8,738)	-0,275*** (-8,659)	-0,229*** (-6,679)
Size	0,121* (1,904)	0,093** (2,293)	0,086** (2,259)	0,152*** (2,860)	0,152*** (3,139)
NIM	0,004** (2,366)	0,073** (2,231)	0,068** (2,301)	0,062*** (2,810)	0,074** (2,217)
Deposit	0,009 (0,573)	0,132*** (3,777)	0,112*** (3,812)	0,134*** (3,469)	0,132** (2,348)
Loan	0,032** (2,003)	0,129*** (4,125)	0,117*** (3,527)	0,118*** (3,221)	0,114*** (3,326)
NPL	-0,317*** (-3,813)	-0,289*** (-2,844)	-0,257*** (-2,179)	-0,276*** (-3,039)	-0,198*** (-2,956)
GDP	-0,120** (-2,143)	-0,155*** (-3,327)	-0,169** (-2,454)	-0,146*** (-2,854)	-0,157** (-2,574)
INF	-0,010*** (-3,333)	-0,006** (-2,142)	-0,005** (-2,287)	-0,014*** (-2,553)	-0,013*** (-2,257)
N	484	484	484	484	484

Ghi chú: *, **, *** tương ứng với mức ý nghĩa 10%, 5%, 1%. Sai số chuẩn được báo cáo trong ngoặc đơn ().

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

4.2. Thảo luận về kết quả nghiên cứu

Biến GPR có hệ số ước lượng âm trong tất cả mô hình nghiên cứu, với ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Cụ thể, khi chỉ số rủi ro địa chính trị GPR tăng lên 1 đơn vị, chỉ số ổn định ngân hàng STABILITY sẽ giảm khoảng 0,3 đơn vị. Như vậy, rủi ro địa chính trị có tác động ngược chiều đến sự ổn định của ngân hàng thương mại tại Việt Nam, đồng nghĩa với rủi ro địa chính trị càng tăng cao thì càng khó giữ sự ổn định của ngân hàng. Rủi ro địa chính trị có thể làm thay đổi môi trường tài chính, dẫn đến khó khăn trong việc dự báo và quản lý các rủi ro tài chính như rủi ro tín dụng, thanh khoản, thị trường và hoạt động. Trong bối cảnh địa chính trị căng thẳng, ngân hàng có thể trở nên thận trọng hơn trong việc cấp tín dụng và phải đối mặt với tình trạng nợ xấu gia tăng, ảnh hưởng đến khả năng sinh lời và sự phát triển của ngân hàng. Ngoài ra, rủi ro địa chính trị có thể làm giảm niềm tin của các nhà đầu tư vào nền kinh tế, dẫn đến suy giảm đầu tư và ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Điều này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của ngân hàng, đặc biệt là trong việc huy động vốn và phát triển các sản phẩm tài chính. Sự gia tăng rủi ro địa chính trị có thể khiến thị trường tài chính trở nên bất ổn, từ đó ảnh hưởng đến giá trị tài sản và danh mục đầu tư của ngân hàng. Những biến động này có thể làm giảm giá trị tài sản của ngân hàng và gây ra khó khăn trong việc duy trì vị thế của bảng cân đối kế toán.

Các biện pháp kiểm soát bên trong ngân hàng có những tác động khác nhau đến sự ổn định của ngân hàng thương mại. Cụ thể, các yếu tố như quy mô ngân hàng, biên lãi ròng, tỷ lệ tiền gửi và tỷ lệ dư nợ đều có tác động cùng chiều với sự ổn định của ngân hàng thương mại. Như vậy, các ngân hàng có hoạt động tốt và nguồn thu nhập ổn định, tình hình tài chính vững chắc, nguồn lực tài chính dồi dào có thể dự phòng cho tổn thất bất ngờ, giúp bảo vệ các ngân hàng khỏi những biến động từ các rủi ro địa chính trị. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu có tác động ngược chiều đến sự ổn định của ngân hàng thương mại, với hệ số ước lượng khoảng -0,3 và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Khi tỷ lệ nợ xấu tăng cao, các ngân hàng có thể tăng lãi suất cho vay để bù đắp cho sự gia tăng của rủi ro tín dụng, dẫn đến nhu cầu vay vốn giảm và ảnh hưởng xấu đến thu nhập từ lãi vay và sự ổn định tài chính của ngân hàng.

Các yếu tố vĩ mô bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát đều có tác động ngược chiều đến sự ổn định ngân hàng thương mại, với mức ý nghĩa 5%. Về mức độ, tác động tiêu cực của các yếu tố vĩ mô nhỏ hơn so với tác động tiêu cực của tỷ lệ nợ xấu. Điều này được giải thích rằng khi nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng quá cao, vượt tầm kiểm soát có thể dẫn đến rủi ro tín dụng từ nợ xấu và lạm phát

cầu kéo làm cho người dân chi tiêu nhiều hơn, ít gửi tiền ngân hàng khiến ngân hàng gặp khó khăn trong huy động vốn. Lạm phát cao có thể làm giảm sự ổn định của ngân hàng thương mại bằng cách gia tăng rủi ro tín dụng và nợ xấu, khi người đi vay gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản lãi và gốc do chi phí tiêu dùng tăng cao, trong khi thu nhập thực tế bị giảm xuống.

5. Kết luận

Bài nghiên cứu thu thập dữ liệu từ 35 ngân hàng thương mại ở Việt Nam từ năm 2009 đến năm 2024 để đánh giá mối quan hệ giữa rủi ro địa chính trị và sự ổn định ngân hàng. Thông qua các mô hình hồi quy cùng sai số chuẩn vững và các biện pháp kiểm soát, nghiên cứu cho thấy mối quan hệ ngược chiều rủi ro địa chính trị và sự ổn định của ngân hàng thương mại. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng quy mô ngân hàng, biên lãi ròng, tỷ lệ tiền gửi và tỷ lệ dư nợ có tác động tích cực đến sự ổn định của ngân hàng. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu và các yếu tố vĩ mô bao gồm tăng trưởng kinh tế quá nóng và lạm phát có ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định ngành ngân hàng.

Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm bảo vệ hệ thống ngân hàng trước tác động lan truyền của rủi ro kinh tế và địa chính trị. Một là nâng cao tiêu chuẩn an toàn vốn và kiểm soát thanh khoản. Hai là đảm bảo dự trữ ngoại hối đầy đủ nhằm tăng cường khả năng chống chịu trước cú sốc tài chính và hạn chế nguy cơ mất thanh khoản trong hệ thống ngân hàng. Ba là thắt chặt quy trình cấp tín dụng để đảm bảo chất lượng của khoản cho vay và thực hiện các chính sách xử lý nợ xấu. Bốn là đa dạng hóa các khoản mục tài sản kết hợp với việc tích cực sử dụng các công cụ phái sinh như hợp đồng hoán đổi lãi suất là một cách để giảm thiểu rủi ro lãi suất do biến động địa chính trị.

Tài liệu tham khảo:

- Nadia, L., & Krisnanda, K. & Sa'adah, W. & Yasin, R. (2024). Do Geopolitical Risk and Economic Uncertainty Harm Bank Credit?: Evidence From the Indonesian Bank. *Jurnal Riset Ilmu Ekonomi*, 4(3), 58-74.
- Roy, T., Bhuiyan, R., Ahmed, S., & Abdullah, M. (2024). Geopolitical conflict and firm bankruptcy risk. *Finance Research Letters*, 68(2), <https://doi.org/10.1016/j.frl.2024.106005>
- Olalere, O. E., & Mukuddem-Petersen, J. (2024). Geopolitical risk, economic policy uncertainty, and bank stability in BRICS countries. *Cogent Economics & Finance*, 12(1), 2290-2310. <https://doi.org/10.1080/23322039.2023.2290>
- Adel, N., & Naili, M. (2024). Geopolitical risk and banking performance: evidence from emerging economies. *The Journal of Risk Finance*, 25(4), 646-663. <https://doi.org/10.1108/JRF-10-2023-0243>
- Andriani, E., Ashsifa, I., & Kuncoro, M.T. (2024). How Geopolitical, Credit and Financial Risks Define ASEAN bank's performance? *Jurnal Ilmiah Manajemen Ekonomi*, 8 (2), 2087-2105
- Adel, N. (2023). Geopolitical Risk and Banking Performance: Evidence from Emerging Economies. *Journal of Geography*, 5(5), 45-54
- Bashir, M. F., Shahbaz, M., Malik, M. N., Ma, B., & Wang, J. (2023). Energy transition, natural resource consumption and environmental degradation: The role of geopolitical risk in sustainable development. *Resources Policy*, 85, <https://doi.org/10.1016/j.resourpol.2023.103985>
- Banna, H., Alam, A., Alam, A.W. and Chen, X.H. (2023). Geopolitical Uncertainty and Banking Risk: International Evidence. *Journal of Keele Repository*, 4(5), 1-10
- Trần Phương Thảo & Lê Anh Tuấn (2020). Rủi ro địa chính trị và nguy cơ mất khả năng thanh toán: Bằng chứng thực nghiệm từ các doanh nghiệp ở Đông Nam Á. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 31 (12), 66-84
- Nguyễn Thành Công & Ngô Hồng Hạnh (2023). Ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đến rủi ro phá sản của ngân hàng thương mại. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 34(3), 40-55
- Caldara, D. & Iacoviello, M. (2022). Measuring geopolitical risk. *American Economic Review*, 112(4), 1194-1225. <https://doi.org/10.1257/aer.20191823>